

**Phụ lục I**  
**THỐNG KÊ CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI CỦA 152 XÃ TỈNH ĐẮK LẮK**  
**(Tính đến tháng 12 năm 2021)**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-BCĐ ngày /3/2022 của Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh)

| TT         | Đơn vị               | Các tiêu chí đã đạt và cơ bản đạt<br>(cấp huyện đánh giá) |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | Tổng số<br>TC đạt<br>và cơ<br>bản đạt | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|------------|----------------------|-----------------------------------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                      | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>I</b>   | <b>Buôn Ma Thuột</b> |                                                           |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |                                       | 1: Quy hoạch, 2: Giao thông, 3: Thủy lợi, 4: Điện, 5: Trường học, 6: Cơ sở vật chất Văn hóa, 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, 8: Thông tin và truyền thông, 9: Nhà ở dân cư, 10: Thu nhập, 11: Hộ nghèo, 12: LĐ có việc làm, 13: Tổ chức sản xuất, 14: Giáo dục và đào tạo, 15: Y tế, 16: Văn hóa, 17: Môi trường và ATTP, 18: Hệ thống CT và tiếp cận pháp luật, 19: Quốc phòng và An ninh. |
| 1          | Xã Hòa Thuận         | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 2          | Xã Ea Tu             | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 3          | Xã Ea Kao            | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 4          | Xã Hòa Xuân          | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 5          | Xã Hòa Thắng         | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 6          | Xã Hòa Phú           | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 7          | Xã Cư Êbur           | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 8          | Xã Hòa Khánh         | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>II</b>  | <b>Buôn Hồ</b>       |                                                           |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |                                       | 1: Quy hoạch, 2: Giao thông, 3: Thủy lợi, 4: Điện, 5: Trường học, 6: Cơ sở vật chất Văn hóa, 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, 8: Thông tin và truyền thông, 9: Nhà ở dân cư, 10: Thu nhập, 11: Hộ nghèo, 12: LĐ có việc làm, 13: Tổ chức sản xuất, 14: Giáo dục và đào tạo, 15: Y tế, 16: Văn hóa, 17: Môi trường và ATTP, 18: Hệ thống CT và tiếp cận pháp luật, 19: Quốc phòng và An ninh. |
| 9          | Xã Ea Blang          | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 10         | Xã Ea Drông          | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 11         | Xã Ea Siên           | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 12         | Xã Bình Thuận        | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 13         | Xã Cư Bao            | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>III</b> | <b>Cư M'gar</b>      |                                                           |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 14         | Xã Quảng Tiến        | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 15         | Xã Ea Kuêh           | 1                                                         |   | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |    | 18 | 19 | 17                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 16         | Xã Ea Kiết           | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 |    | 18                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 17         | Xã Ea Tar            | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 18         | Xã Cư Diê M' nông    | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 19         | Xã Ea H'đinh         | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 20         | Xã Ea Tul            | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 21         | Xã Ea Kpam           | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 22         | Xã Ea M'Drôh         | 1                                                         |   |   | 4 | 5 |   | 7 | 8 | 9 |    | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 |    | 14                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 23         | Xã Quảng Hiệp        | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 24         | Xã Cư M'gar          | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 25         | Xã Ea D'rong         | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 26         | Xã Ea M' nang        | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 27         | Xã Cư Suê            | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 28         | Xã Cưê Đăng          | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>IV</b>  | <b>M'Đrăk</b>        |                                                           |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |                                       | 1: Quy hoạch, 2: Giao thông, 3: Thủy lợi, 4: Điện, 5: Trường học, 6: Cơ sở vật chất Văn hóa, 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, 8: Thông tin và truyền thông, 9: Nhà ở dân cư, 10: Thu nhập, 11: Hộ nghèo, 12: LĐ có việc làm, 13: Tổ chức sản xuất, 14: Giáo dục và đào tạo, 15: Y tế, 16: Văn hóa, 17: Môi trường và ATTP, 18: Hệ thống CT và tiếp cận pháp luật, 19: Quốc phòng và An ninh. |
| 29         | Xã Ea Trang          | 1                                                         |   |   | 4 | 5 |   |   | 8 |   |    |    | 12 |    | 14 | 15 | 16 |    | 18 | 19 | 10                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 30         | Xã Cư Pao            | 1                                                         |   | 3 |   |   |   | 7 | 8 |   |    |    | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |    | 18 | 19 | 11                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 31         | Xã Ea Pil            | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 32         | Xã Ea Lai            | 1                                                         |   |   | 4 |   |   |   | 8 |   | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |    | 18 | 19 | 12                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 33         | Xã Ea Mlây           | 1                                                         |   |   | 4 |   |   |   | 8 |   | 10 |    | 12 |    | 14 | 15 | 16 |    | 18 | 19 | 10                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 34         | Xã Krông Jing        | 1                                                         |   | 3 | 4 |   |   |   | 8 |   |    |    | 12 |    | 14 | 15 | 16 |    | 18 | 19 | 10                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 35         | Xã Ea M'doal         | 1                                                         |   | 3 | 4 | 5 |   |   | 8 | 9 |    |    | 12 |    | 14 | 15 | 16 |    | 18 | 19 | 12                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 36         | Xã Ea Riêng          | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |

| TT          | Đơn vị           | Các tiêu chí đã đạt và cơ bản đạt<br>(cấp huyện đánh giá) |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | Tổng số<br>TC đạt<br>và cơ<br>bản đạt | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-------------|------------------|-----------------------------------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|             |                  | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 37          | Xã Cư M'ta       | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 |   |   | 8 | 9 |    |    | 12 |    | 14 | 15 | 16 |    | 18 | 19 | 13                                    | 1: Quy hoạch, 2: Giao thông, 3: Thủy lợi, 4: Điện, 5: Trường học, 6: Cơ sở vật chất Văn hóa, 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, 8: Thông tin và truyền thông, 9: Nhà ở dân cư, 10: Thu nhập, 11: Hộ nghèo, 12: LĐ có việc làm, 13: Tổ chức sản xuất, 14: Giáo dục và đào tạo, 15: Y tế, 16: Văn hóa, 17: Môi trường và ATTP, 18: Hệ thống CT và tiếp cận pháp luật, 19: Quốc phòng và An ninh. |
| 38          | Xã Cư Kroá       | 1                                                         |   |   |   |   |   |   | 8 |   |    |    | 12 |    | 14 | 15 | 16 |    | 18 | 19 | 8                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 39          | Xã Krông Ấ       | 1                                                         |   | 3 |   | 5 |   |   | 8 |   |    |    | 12 |    | 14 | 15 | 16 |    | 18 | 19 | 10                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 40          | Xã Cư San        | 1                                                         |   | 3 | 4 |   |   | 7 |   |   |    |    | 12 |    |    | 15 | 16 |    | 18 | 19 | 9                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>V</b>    | <b>Ea Kar</b>    |                                                           |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 41          | Xã Ea Ô          | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 42          | Xã Ea Sô         | 1                                                         |   | 3 | 4 | 5 | 6 |   | 8 | 9 |    |    | 12 | 13 | 14 | 15 |    | 17 | 18 | 19 | 14                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 43          | Xã Ea Sar        | 1                                                         |   | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |    |    | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 16                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 44          | Xã Xuân Phú      | 1                                                         |   | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 18                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 45          | Xã Cư Huê        | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 46          | Xã Ea Týh        | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 47          | Xã Ea Đar        | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 48          | Xã Ea Kmút       | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 49          | Xã Cư Ni         | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 50          | Xã Ea Păl        | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |    |    | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |    |    | 15                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 51          | Xã Cư Prông      | 1                                                         |   | 3 |   | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |    |    | 12 |    | 14 | 15 | 16 | 17 |    | 19 | 13                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 52          | Xã Cư Elang      | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |    |    | 12 | 13 | 14 | 15 |    | 17 | 18 | 19 | 16                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 53          | Xã Cư Bông       | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 |   | 7 | 8 | 9 |    |    | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 16                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 54          | Xã Cư Yang       | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |    |    | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |    | 18 | 19 | 16                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>VI</b>   | <b>Ea H'Leo</b>  |                                                           |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 55          | Ea H'leo         | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 |   | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |    | 18 | 19 | 17                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 56          | Xã Ea Sol        | 1                                                         |   | 3 | 4 | 5 |   | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 17                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 57          | Xã Ea Ral        | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 58          | Xã Ea Wy         | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 59          | Xã Cư A Mung     | 1                                                         |   | 3 | 4 | 5 |   |   | 8 | 9 |    |    | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |    | 18 | 19 | 13                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 60          | Xã Cư Môt        | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 61          | Xã Ea Hiao       | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 62          | Xã Ea Khal       | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 63          | Xã Dliê Yang     | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 64          | Xã Ea Tir        | 1                                                         |   |   | 4 | 5 |   | 7 |   | 9 |    |    | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 13                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 65          | Xã Ea Nam        | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>VII</b>  | <b>Cư Kuin</b>   |                                                           |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 66          | Xã Ea Tiêu       | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 |   | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 18                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 67          | Xã Dray Bhang    | 1                                                         |   | 3 | 4 | 5 |   | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 17                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 68          | Xã Hòa Hiệp      | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 69          | Xã Ea Ning       | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 70          | Xã Cư Ê Wi       | 1                                                         |   | 3 | 4 | 5 |   |   | 8 | 9 |    | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 15                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 71          | Xã Ea Hu         | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 |   |   | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 17                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 72          | Xã Ea Ktur       | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 73          | Xã Ea Bhók       | 1                                                         |   | 3 | 4 |   | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 17                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>VIII</b> | <b>Krông Ana</b> |                                                           |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 74          | Xã Quảng Điền    | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 75          | Xã Dray Sáp      | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 76          | Xã Ea Na         | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 |   | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |    | 19 | 17                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 77          | Xã Ea Bông       | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 |   | 7 | 8 | 9 | 10 |    | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |    | 19 | 16                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 78          | Xã Băng A Drênh  | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |

| TT         | Đơn vị            | Các tiêu chí đã đạt và cơ bản đạt<br>(cấp huyện đánh giá) |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | Tổng số<br>TC đạt<br>và cơ<br>bản đạt | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|------------|-------------------|-----------------------------------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                   | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 79         | Xã Dur Kmäl       | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 |   |   | 8 | 9 |    | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |    | 19 | 15                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 80         | Xã Bình Hòa       | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>IX</b>  | <b>Buôn Đôn</b>   |                                                           |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 81         | Xã Ea Bar         | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    | 1: Quy hoạch, 2: Giao thông, 3: Thủy lợi, 4: Điện, 5: Trường học, 6: Cơ sở vật chất Văn hóa, 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, 8: Thông tin và truyền thông, 9: Nhà ở dân cư, 10: Thu nhập, 11: Hộ nghèo, 12: LĐ có việc làm, 13: Tổ chức sản xuất, 14: Giáo dục và đào tạo, 15: Y tế, 16: Văn hóa, 17: Môi trường và ATTP, 18: Hệ thống CT và tiếp cận pháp luật, 19: Quốc phòng và An ninh. |
| 82         | Xã Krông Na       | 1                                                         | 2 | 3 | 4 |   |   | 7 | 8 | 9 |    |    | 12 |    | 14 | 15 | 16 |    | 18 | 19 | 13                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 83         | Xã Ea Huar        | 1                                                         | 2 | 3 | 4 |   |   | 7 | 8 |   |    |    | 12 |    | 14 | 15 | 16 |    | 18 | 19 | 12                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 84         | Xã Ea Wer         | 1                                                         |   | 3 | 4 |   |   | 7 | 8 | 9 |    |    | 12 |    | 14 | 15 | 16 |    | 18 | 19 | 12                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 85         | Xã Tân Hòa        | 1                                                         |   | 3 | 4 | 5 |   | 7 | 8 | 9 |    |    | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |    | 18 | 19 | 14                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 86         | Xã Cuôr Knia      | 1                                                         |   | 3 | 4 |   |   | 7 | 8 | 9 |    |    | 12 |    | 14 | 15 | 16 |    | 18 | 19 | 12                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 87         | Xã Ea Nuôl        | 1                                                         |   |   | 4 |   |   | 7 | 8 | 9 |    |    | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |    | 18 | 19 | 12                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>X</b>   | <b>Krông Năng</b> |                                                           |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 88         | Xã Ea Tóh         | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 89         | Xã Điê Ya         | 1                                                         |   | 3 | 4 | 5 |   |   | 8 | 9 | 10 |    | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 15                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 90         | Xã Ea Tam         | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 91         | Xã Phú Lộc        | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 92         | Xã Tam Giang      | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 93         | Xã Ea Puk         | 1                                                         |   | 3 | 4 | 5 | 6 |   | 8 | 9 |    | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 16                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 94         | Xã Ea Dăh         | 1                                                         |   | 3 | 4 | 5 |   |   | 8 |   |    |    | 12 | 13 | 14 | 15 |    |    | 18 | 19 | 11                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 95         | Xã Ea Hồ          | 1                                                         |   | 3 | 4 | 5 |   | 7 | 8 |   |    |    | 12 | 13 | 14 | 15 |    |    | 18 | 19 | 12                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 96         | Xã Phú Xuân       | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 97         | Xã Cư Klông       | 1                                                         |   | 3 | 4 | 5 |   | 7 | 8 | 9 |    |    | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |    | 18 | 19 | 14                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 98         | Xã Ea Tân         | 1                                                         |   | 3 | 4 | 5 |   | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 17                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>XI</b>  | <b>Krông Bông</b> |                                                           |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 99         | Xã Hòa Sơn        | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 100        | Xã Dang Kang      | 1                                                         | 2 | 3 | 4 |   |   |   | 8 | 9 |    |    | 12 |    | 14 | 15 |    |    | 18 | 19 | 11                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 101        | Xã Cư Kty         | 1                                                         |   | 3 | 4 |   |   |   | 8 | 9 |    |    | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |    | 18 | 19 | 12                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 102        | Xã Hòa Thành      | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 |   |   | 8 | 9 |    |    | 12 |    | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 14                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 103        | Xã Hòa Tân        | 1                                                         | 2 | 3 | 4 |   |   |   | 8 | 9 |    |    | 12 |    | 14 | 15 | 16 |    | 18 | 19 | 12                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 104        | Xã Hòa Phong      | 1                                                         | 2 | 3 | 4 |   |   |   | 8 |   |    |    | 12 |    | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 12                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 105        | Xã Hòa Lễ         | 1                                                         |   | 3 | 4 |   |   |   | 8 | 9 |    |    | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 13                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 106        | Xã Yang Reh       | 1                                                         | 2 | 3 | 4 |   |   | 7 | 8 |   |    |    | 12 | 13 | 14 | 15 |    |    | 18 | 19 | 12                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 107        | Xã Ea Trul        | 1                                                         | 2 | 3 |   |   |   |   |   |   |    |    | 12 | 13 | 14 | 15 |    |    | 18 | 19 | 9                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 108        | Xã Khuê Ngọc Đi   | 1                                                         |   | 3 | 4 |   |   |   | 8 | 9 |    |    | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |    | 18 | 19 | 12                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 109        | Xã Cư Pui         | 1                                                         | 2 | 3 |   |   | 6 | 7 | 8 |   |    |    | 12 |    | 14 | 15 |    |    | 18 | 19 | 11                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 110        | Xã Cư Drăm        | 1                                                         | 2 | 3 |   |   |   |   | 8 | 9 |    |    | 12 | 13 | 14 | 15 |    |    | 18 | 19 | 11                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 111        | Xã Yang Mao       | 1                                                         | 2 | 3 | 4 |   |   |   | 8 |   |    |    | 12 |    | 14 | 15 | 16 |    | 18 | 19 | 11                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>XII</b> | <b>Krông Pắc</b>  |                                                           |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 112        | Xã Ea Kly         | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 113        | Xã Krông Búk      | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 114        | Xã Ea Kênh        | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 115        | Xã Ea Phê         | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 116        | Xã Ea Knuêc       | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 117        | Xã Ea Yông        | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 118        | Xã Hòa An         | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 119        | Xã Ea Kuăng       | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 120        | Xã Hòa Đông       | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |

| TT          | Đơn vị             | Các tiêu chí đã đạt và cơ bản đạt<br>(cấp huyện đánh giá) |     |     |     |     |    |     |     |     |    |    |     |     |     |     |     |     |     |     | Tổng số<br>TC đạt<br>và cơ<br>bản đạt | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-------------|--------------------|-----------------------------------------------------------|-----|-----|-----|-----|----|-----|-----|-----|----|----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|             |                    | 1                                                         | 2   | 3   | 4   | 5   | 6  | 7   | 8   | 9   | 10 | 11 | 12  | 13  | 14  | 15  | 16  | 17  | 18  | 19  |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 121         | Xã Ea Hiu          | 1                                                         |     | 3   | 4   |     |    |     | 8   | 9   |    |    | 12  |     | 14  | 15  | 16  | 17  | 18  | 19  | 12                                    | 1: Quy hoạch, 2: Giao thông, 3: Thủy lợi, 4: Điện, 5: Trường học, 6: Cơ sở vật chất Văn hóa, 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, 8: Thông tin và truyền thông, 9: Nhà ở dân cư, 10: Thu nhập, 11: Hộ nghèo, 12: LĐ có việc làm, 13: Tổ chức sản xuất, 14: Giáo dục và đào tạo, 15: Y tế, 16: Văn hóa, 17: Môi trường và ATTP, 18: Hệ thống CT và tiếp cận pháp luật, 19: Quốc phòng và An ninh. |
| 122         | Xã Hòa Tiến        | 1                                                         | 2   | 3   | 4   | 5   | 6  | 7   | 8   | 9   | 10 | 11 | 12  | 13  | 14  | 15  | 16  | 17  | 18  | 19  | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 123         | Xã Tân Tiến        | 1                                                         | 2   | 3   | 4   | 5   | 6  | 7   | 8   | 9   | 10 | 11 | 12  | 13  | 14  | 15  | 16  | 17  | 18  | 19  | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 124         | Xã Vụ Bồn          | 1                                                         |     | 3   | 4   | 5   | 6  | 7   | 8   | 9   |    |    | 12  |     | 14  | 15  |     |     | 18  | 19  | 13                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 125         | Xã Ea Uy           | 1                                                         | 2   | 3   | 4   | 5   | 6  | 7   | 8   | 9   | 10 | 11 | 12  | 13  | 14  | 15  | 16  | 17  | 18  | 19  | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 126         | Xã Ea Yiêng        | 1                                                         |     | 3   | 4   |     |    |     | 8   |     |    |    | 12  | 13  | 14  | 15  |     |     | 18  | 19  | 10                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>XIII</b> | <b>Krông Búk</b>   |                                                           |     |     |     |     |    |     |     |     |    |    |     |     |     |     |     |     |     |     |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 127         | Xã Cư Pong         | 1                                                         | 2   | 3   | 4   | 5   |    | 7   | 8   | 9   | 10 | 11 | 12  | 13  | 14  | 15  | 16  | 17  | 18  | 19  | 18                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 128         | Xã Cư Né           | 1                                                         |     | 3   | 4   | 5   | 6  | 7   | 8   | 9   |    | 11 | 12  | 13  | 14  | 15  | 16  | 17  | 18  | 19  | 17                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 129         | Xã Chư Kbô         | 1                                                         | 2   | 3   | 4   | 5   | 6  | 7   | 8   | 9   | 10 | 11 | 12  | 13  | 14  | 15  | 16  | 17  | 18  | 19  | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 130         | Xã Pong Drang      | 1                                                         | 2   | 3   | 4   | 5   | 6  | 7   | 8   | 9   | 10 | 11 | 12  | 13  | 14  | 15  | 16  | 17  | 18  | 19  | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 131         | Xã Ea Sin          | 1                                                         | 2   | 3   | 4   | 5   |    |     |     |     |    |    | 12  | 13  | 14  | 15  | 16  | 17  | 18  | 19  | 13                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 132         | Xã Tân Lập         | 1                                                         | 2   | 3   | 4   | 5   | 6  | 7   | 8   | 9   | 10 | 11 | 12  | 13  | 14  | 15  | 16  | 17  | 18  | 19  | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 133         | Xã Ea Ngai         | 1                                                         | 2   | 3   | 4   | 5   |    | 7   | 8   | 9   | 10 | 11 | 12  |     | 14  | 15  | 16  | 17  | 18  | 19  | 17                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>XIV</b>  | <b>Lắk</b>         |                                                           |     |     |     |     |    |     |     |     |    |    |     |     |     |     |     |     |     |     |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 134         | Xã Đăk Phoi        | 1                                                         | 2   |     | 4   |     |    | 7   | 8   |     |    |    | 12  |     | 14  | 15  | 16  |     | 18  | 19  | 11                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 135         | Xã Yang Tao        | 1                                                         | 2   |     | 4   |     |    | 7   | 8   | 9   |    |    | 12  |     | 14  | 15  | 16  |     | 18  | 19  | 12                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 136         | Xã Bông Krang      | 1                                                         | 2   |     | 4   |     |    | 7   | 8   | 9   |    |    | 12  |     | 14  | 15  | 16  |     | 18  | 19  | 12                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 137         | Xã Đăk Liêng       | 1                                                         |     |     | 4   | 5   | 6  | 7   | 8   | 9   |    |    | 12  |     | 14  | 15  | 16  |     | 18  | 19  | 13                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 138         | Xã Buôn Triết      | 1                                                         | 2   | 3   | 4   |     |    | 7   | 8   | 9   |    |    | 12  | 13  | 14  | 15  | 16  |     | 18  | 19  | 14                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 139         | Xã Buôn Tría       | 1                                                         | 2   | 3   | 4   | 5   | 6  | 7   | 8   | 9   | 10 | 11 | 12  | 13  | 14  | 15  | 16  | 17  | 18  | 19  | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 140         | Xã Đăk Nuê         | 1                                                         |     | 3   | 4   |     |    | 7   | 8   |     |    |    | 12  | 13  | 14  | 15  | 16  |     | 18  | 19  | 12                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 141         | Xã Krông Nô        | 1                                                         | 2   | 3   | 4   |     |    | 7   | 8   | 9   |    |    | 12  |     | 14  | 15  | 16  |     | 18  | 19  | 13                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 142         | Xã Nam Ka          | 1                                                         | 2   |     | 4   |     |    | 7   | 8   |     |    |    |     |     | 14  | 15  | 16  |     | 18  | 19  | 10                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 143         | Xã Ea R'Bin        | 1                                                         |     |     |     |     |    | 7   | 8   |     |    |    | 12  | 13  | 14  | 15  | 16  |     | 18  | 19  | 10                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>XV</b>   | <b>Ea Súp</b>      |                                                           |     |     |     |     |    |     |     |     |    |    |     |     |     |     |     |     |     |     |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 144         | Xã Ea Lê           | 1                                                         |     | 3   | 4   | 5   |    | 7   | 8   | 9   |    |    | 12  | 13  | 14  | 15  | 16  |     | 18  | 19  | 14                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 145         | Xã Ia lóp          | 1                                                         |     |     | 4   | 5   |    | 7   | 8   | 9   |    |    | 12  | 13  | 14  | 15  |     |     | 18  | 19  | 12                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 146         | Xã Ia Jloi         | 1                                                         | 2   | 3   | 4   | 5   |    | 7   | 8   | 9   |    |    | 12  | 13  | 14  | 15  | 16  |     | 18  | 19  | 15                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 147         | Xã Ea Rók          | 1                                                         |     | 3   | 4   |     |    | 7   | 8   | 9   |    |    | 12  | 13  | 14  | 15  |     | 17  | 18  | 19  | 13                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 148         | Xã Ya Tờ Môt       | 1                                                         |     | 3   | 4   | 5   |    | 7   | 8   | 9   |    |    | 12  | 13  | 14  | 15  |     | 17  | 18  | 19  | 14                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 149         | Xã Ia Rvê          | 1                                                         |     | 3   | 4   | 5   |    | 7   | 8   |     |    |    | 12  | 13  | 14  | 15  |     |     | 18  | 19  | 12                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 150         | Xã Cư Kbang        | 1                                                         | 2   |     | 4   | 5   |    | 7   | 8   |     |    |    | 12  | 13  | 14  | 15  |     |     | 18  | 19  | 12                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 151         | Xã Ea Bung         | 1                                                         | 2   | 3   | 4   | 5   | 6  | 7   | 8   | 9   | 10 | 11 | 12  | 13  | 14  | 15  | 16  | 17  | 18  | 19  | 19                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 152         | Xã Cư M' Lan       | 1                                                         |     | 3   | 4   | 5   |    | 7   | 8   | 9   |    |    | 12  | 13  | 14  | 15  |     | 17  | 18  | 19  | 14                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|             | <b>Tổng số</b>     | 152                                                       | 105 | 137 | 144 | 118 | 86 | 123 | 148 | 128 | 88 | 90 | 151 | 124 | 151 | 152 | 135 | 104 | 147 | 149 | 2.432                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|             | Số xã đạt 19 TC    | 71                                                        |     |     |     |     |    |     |     |     |    |    |     |     |     |     |     |     |     |     |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|             | Số xã đạt 18 TC    | 4                                                         |     |     |     |     |    |     |     |     |    |    |     |     |     |     |     |     |     |     |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|             | Số xã đạt 17 TC    | 10                                                        |     |     |     |     |    |     |     |     |    |    |     |     |     |     |     |     |     |     |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|             | Số xã đạt 16 TC    | 6                                                         |     |     |     |     |    |     |     |     |    |    |     |     |     |     |     |     |     |     |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|             | Số xã đạt 15 TC    | 5                                                         |     |     |     |     |    |     |     |     |    |    |     |     |     |     |     |     |     |     |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|             | Số xã đạt 14 TC    | 9                                                         |     |     |     |     |    |     |     |     |    |    |     |     |     |     |     |     |     |     |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|             | Số xã đạt 13 TC    | 11                                                        |     |     |     |     |    |     |     |     |    |    |     |     |     |     |     |     |     |     |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|             | Số xã đạt 10-12 TC | 33                                                        |     |     |     |     |    |     |     |     |    |    |     |     |     |     |     |     |     |     |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|             | Số xã đạt 8-9 TC   | 3                                                         |     |     |     |     |    |     |     |     |    |    |     |     |     |     |     |     |     |     |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |

| TT | Đơn vị           | Các tiêu chí đã đạt và cơ bản đạt<br>(cấp huyện đánh giá) |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | Tổng số<br>TC đạt<br>và cơ<br>bản đạt | Ghi chú |
|----|------------------|-----------------------------------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|---------------------------------------|---------|
|    |                  | 1                                                         | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 |                                       |         |
|    | Số xã đạt 1-7 TC | 0                                                         |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |                                       |         |